TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **265**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số số 829/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp về ly hôn " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Tuyết S** , sinh năm: 1990.
Địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh G.

Bị đơn: Ông **Cao Minh H** , sinh năm: 1987.
Địa chỉ: ấp 4, xã K, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(bà S và ông H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết S trình bày: bà và ông Cao Minh H chung sống với nhau từ năm 2008, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C vào năm 2009. Thời gian đầu

ông bà chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông H không quan tâm đến cuộc sống gia đình, ông H không có trách nhiệm với vợ con, bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Cao Minh H .

Về con chung: Bà và ông Cao Minh H có 01 con chung tên Cao Ngọc Bảo A, sinh ngày: 26/7/2009. Hiện trẻ Anh đang sống với bà, sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Anh, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà S xác nhận không có.

Ông Cao Minh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Tuyết S đối với ông Cao Minh H .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Tuyết S nộp đơn xin ly hôn đối với ông Cao Minh H . Ông Cao Minh H hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Cao Minh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Cao Minh H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Lê Thị Tuyết S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà S theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Cao Minh H đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Lê Thị Tuyết S và ông Cao Minh H nhưng ông H không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông Cao Minh H tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Cao Minh H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 134 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/10/2009 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Tuyết S và ông Cao Minh H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông H không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà S thì giữa bà và ông H bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông H cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Tuyết S đối với ông Cao Minh H .

[6] Về con chung: bà Lê Thị Tuyết S và ông Cao Minh H có 01 con chung tên Cao Ngọc Bảo A, sinh ngày: 26/7/2009. Sau khi ly hôn, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Anh và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Hiện trẻ A đang sống chung với bà S , bà S là người chăm sóc tốt cho trẻ, đồng thời ý kiến của trẻ Anh nếu ba mẹ không còn chung sống với nhau nữa thì trẻ A muốn sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Cao Ngọc Bảo A, sinh ngày: 26/7/2009 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông H cho đến khi bà S có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Tuyết S xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Lê Thị Tuyết S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Tuyết S đối với ông Cao Minh H .

Bà Lê Thị Tuyết S được ly hôn với ông Cao Minh H .

Giấy chứng nhận kết hôn số 134 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/10/2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Tuyết S và ông Cao Minh H có 01 con chung tên Cao Ngọc Bảo A, sinh ngày: 26/7/2009. Giao trẻ Anh cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông H cho đến khi bà S có yêu cầu.

Ông Cao Minh H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị Tuyết S xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: bà Lê Thị Tuyết S chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà S đã nộp theo biên lai thu số 0005385

ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Bà S đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định